

Bản án số: 135/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Chi**

2. Ông **Huỳnh Hoàng Nam**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- An Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Bà **Nguyễn Thị
Diễm Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An
Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số
277/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30
tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Kim H**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh L.

Nay là: ấp T, xã T1, tỉnh T2.

2. *Bị đơn:* Anh **Danh S**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, tỉnh K.

Nay là: ấp N, xã L, tỉnh A.

(Chị H có đơn xin vắng mặt; anh S có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Kim H trình bày:***

Do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị và anh S tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh L (nay là Ủy ban nhân dân xã T1, tỉnh T2) ngày 29/7/2019. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh L (nay là ấp T, xã T1, tỉnh T2). Anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nuôi dạy con cái; anh S ham chơi không lo chăm sóc con cái và gia đình. Từ đó, anh chị thường xuyên cãi vã, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Từ cuối năm 2023 anh S về nhà cha mẹ tại ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh K (nay là ấp N, xã L, tỉnh A.) sinh sống và anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người cũng như ổn định làm ăn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh S.

Về con chung: Có 02 người con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023. Hiện 02 con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2025 anh Danh S có ý kiến trình bày:***

Do quen biết anh và chị H tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh và chị H phát sinh mâu thuẫn về chỗ ở, anh muốn về bên anh Snh sống, còn chị H muốn về bên chị H sinh sống. Trong quá trình chung sống có 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023. Hiện 02 con chung đang ở với chị H. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023; anh đồng ý giao

Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 cho chị H nuôi dưỡng; hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh S xác định đối với yêu cầu ly hôn của chị H, anh đồng ý. Về con chung khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023 cho chị H nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị H và anh S xác định do quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Mặc dù anh, chị trình bày nguyên nhân mâu thuẫn không thống nhất nhưng chị H yêu cầu ly hôn, anh S cũng đồng ý. Đồng thời anh, chị đã có thời gian ly thân để suy nghĩ lại nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh S; về con chung: chị H và anh S xác định có 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023. Hiện 02 con chung đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, phía anh S cũng đồng ý tiếp tục giao 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023 cho chị H nuôi dưỡng; anh S không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi chị H và anh S ly thân cho đến nay thì 02 con chung do chị H nuôi dưỡng, phía anh S cũng đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải

quyết do chị H không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh S xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị H chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Danh S có hộ khẩu thường trú ở ấp N, xã L, huyện G, tỉnh K (nay là ấp N, xã L, tỉnh A.). Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Võ Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh S là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh L (nay là Ủy ban nhân dân xã T1, tỉnh T2) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2019 ngày 29 tháng 7 năm 2019.

Theo chị H nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nuôi dạy con cái; anh S ham chơi không lo chăm sóc con cái và gia đình. Từ đó, anh chị thường xuyên cãi vã, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Chị và anh S đã ly thân từ năm 2023 đến nay.

Phía anh S thì cho rằng anh và chị H phát sinh mâu thuẫn về chỗ ở, anh muốn về bên anh Snh sống, còn chị H muốn về bên chị H sinh sống.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù chị H và anh S trình bày mâu thuẫn dẫn đến ly hôn không thống nhất nhưng Tòa án đã mở phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh S vẫn không tham dự để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ anh S không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với chị H. Đồng thời anh, chị đã có thời gian ly thân khá lâu vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh S cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét

xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh S không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H xác định giữa chị và anh S có 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023. Hiện 02 con chung đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, phía anh S cũng đồng ý tiếp tục giao 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023 cho chị H nuôi dưỡng; anh S không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh S ly thân cho đến nay thì 02 con chung do chị H nuôi dưỡng, tại phiên tòa anh S cũng đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh S và chị H là tiếp tục giao 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023 cho chị H nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh S xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Kim H được ly hôn với anh Danh S.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là Danh Võ Bảo K, sinh ngày 06/10/2019 và Danh Võ Cát T, sinh ngày 01/8/2023 cho chị Võ Thị Kim H nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013152 ngày 11/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang). Xem như chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. Anh Danh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 20/8/2025). Chị Võ Thị Kim H có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã L;
- UBND xã T1, tỉnh T2.
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Ngọc Giàu

